

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST

Ngày 17-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Sáng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thiên.

Ông Trần Như Cường.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2018/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2018; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/HSST-QĐ ngày 02-01-2019 đối với bị cáo:

- **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 10/10/1981, tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKNKTT tại: Thôn 4, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Đ (Đã chết) và bà Đặng Thị D, sinh năm 1954; Có vợ là Trương Thị Phương H, sinh năm 1978, bị cáo có 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/10/2018 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984. Có mặt
Trú tại: Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Lương Ánh Q, sinh năm 1983. Có mặt
Trú tại: Thôn C, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái.

- Những người làm chứng:

+ Bà Phạm Thị Y, sinh năm 1960. Vắng mặt
Trú tại: Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Bà Vũ Thị B, sinh năm 1961. Vắng mặt
Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Triệu Thị O, sinh năm 1990. Có mặt

Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Trương Thị Phương H, sinh năm 1978. Có mặt
Trú tại: Thôn 4, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Anh Đỗ Văn Y, sinh năm 1980. Vắng mặt
Trú tại: Thôn C, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1961. Vắng mặt
Trú tại: Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Vắng mặt
Trú tại: Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bằng hình thức giao dịch mua bán vỏ quế T, Nguyễn Văn P nhận tiền ứng trước của người mua rồi bóc vỏ quế về bán cho người đã ứng tiền cho P theo giá hai bên đã thỏa thuận. Nhưng Nguyễn Văn P không thực hiện theo hợp đồng mà sau khi nhận tiền đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền đã nhận. Cụ thể như sau: Ngày 17/10/2017 P giao dịch mua bán vỏ quế với chị Lương Ánh Q, sinh năm 1983 ở thôn C, xã Y với nội dung P vay chị Q số tiền 40.000.000đ để mua đôi quế rồi khai thác vỏ quế T về bán cho chị Q. Sau khi nhận tiền P dùng tiền đi mua quế vỏ rồi bán lại cho nhiều người khác mà không bán cho chị Q. Đến ngày 21/01/2018 chị Q cùng chồng là Đ Văn Yên, sinh năm 1980 đến nhà P đòi tiền. Do không có tiền trả cho chị Q và nảy sinh ý định chiếm đoạt nên P viết giấy hẹn đến ngày 06/02/2018 P sẽ trả 25.000.000đ, số còn lại hẹn đến tháng 4 năm 2018 sẽ trả hết. Nhưng đến hẹn P không trả tiền mà bỏ trốn khỏi địa P nhằm chiếm đoạt số tiền 40.000.000đ của chị Q.

Ngày 13/4/2018 Nguyễn Văn P gọi điện cho chị Nguyễn Thị L bảo có đôi quế khai thác được, hỏi chị L có mua không thì chị L đồng ý mua. Vì trước đó giữa P và chị L đã thực hiện giao dịch mua bán vỏ quế T rồi nên chị L tin tưởng P. Đến chiều tối cùng ngày chị L và P làm hợp đồng mua bán vỏ quế T. P ứng trước của chị L số tiền 90.000.000đ. Sau đó P cầm tiền mua đôi quế của ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1962 ở thôn P, xã C và tiến hành khai thác nhưng P không bán vỏ quế T cho chị L mà mang bán cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 ở thôn P, xã C. Do không thấy P mang vỏ quế T đến bán cho mình nên chị L đã gọi điện đòi số tiền mà P đã ứng trước, P hẹn ngày trả nhưng đến ngày vẫn không trả. Đến cuối tháng 4 năm 2018 P bỏ trốn khỏi địa P và chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Chị L và chị Q đã làm đơn tố cáo hành vi của P. Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa P nhưng không xác định được Nguyễn Văn P ở đâu. Ngày 16/10/2018 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn P, đến ngày 18/10/2018 Công an huyện Văn Yên phối hợp với Công an quận Hải An, thành phố Hải Phòng bắt được Nguyễn Văn P. Ngày 19/10/2018 Công an huyện Văn Yên ra quyết định đình nã đối với Nguyễn Văn P.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn P khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu ở trên.

Người bị hại khai: Trên cơ sở hợp đồng chị Lương Ánh Q khai đã đưa cho P 40.000.000đ vào ngày 17/10/2017, chị Nguyễn Thị L đưa cho P 90.000.000đ vào ngày 13/4/2018. Các chị đã nhiều lần đòi tiền nhưng P không trả mà bỏ trốn.

Ngày 19/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên đã tạm giữ

01 quyển sổ màu đen dài 12cm, rộng 16cm, bên trong có 16 trang có ghi số và chữ do chị Trương Thị P Hoa (vợ bị cáo P) giao nộp.

Tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS-VY ngày 27/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố Nguyễn Văn P về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố; qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; phân tích tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 03 năm 6 tháng đến 4 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt. Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn P. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo P phải trả cho chị Lương Ánh Q số tiền 40.000.000đ, trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 90.000.000đ. Đồng thời xử lý vật chứng và mức án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo biết việc mình làm là vi phạm pháp luật, không có tranh luận gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt ở mức thấp nhất.

Những người bị hại khai phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo P và đề nghị bị cáo P phải trả lại cho họ toàn bộ số tiền mà họ đã đưa cho P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp bản kiểm điểm, các bản khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của chị Lương Ánh Q, chị Nguyễn Thị L và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng của người khác, thông qua việc ký hợp đồng mua bán vỏ quế T, Nguyễn Văn P đã nhận tiền nhưng không bán vỏ quế T cho họ mà bán cho người khác rồi bỏ trốn khỏi địa P nhằm chiếm đoạt tài sản của hai người, cụ thể như sau: Ngày 17/10/2017 P ký hợp đồng và nhận của chị Lương Ánh Q số tiền 40.000.000đ. Ngày 13/4/2018 P nhận của chị Nguyễn Thị L số tiền 90.000.000đ. Sau đó P không bán vỏ quế cho chị Q và chị L mà bán cho người khác lấy tiền chi tiêu cá nhân. Chị L và chị Q đã nhiều lần đòi tiền nhưng P không trả mà bỏ trốn khỏi địa P. Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn P đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tổng số tiền mà Nguyễn Văn P chiếm đoạt là 130.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung “Chiếm đoạt tài sản

giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà bị cáo Nguyễn Văn P thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất lòng tin trong kinh doanh, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân địa P. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và là bài học để cảnh tỉnh, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết nhận định về pháp luật, biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì hám lợi đã lợi dụng lòng tin của người khác để cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự. Trong một thời gian ngắn bị cáo liên tiếp thực hiện hai hành vi chiếm đoạt của hai người khác nhau với số tiền đều trên 4.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét bị cáo là người có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội. Sau khi phạm tội tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích nêu trên cần có một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lương Ánh Q yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho chị số tiền 40.000.000đ; chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 90.000.000đ. Bị cáo Nguyễn Văn P đã nhận tiền của chị Q và chị L thông qua hợp đồng đến nay chưa hoàn trả nên yêu cầu này của chị Q và chị L là hợp pháp cần được chấp nhận. Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải trả cho chị Lương Ánh Q số tiền 40.000.000đ, trả cho chị Nguyễn Thị L số tiền 90.000.000đ theo quy định tại các Điều 584, 585, 588, 589 Bộ luật Dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 quyển sổ màu đen kích thước dài 21cm, rộng 16cm, trong có ghi số và chữ, do chị Trương Thị P Hoa giao nộp. Đây là quyển sổ của Nguyễn Văn P dùng để ghi số lượng khai thác vỏ quế, công người làm thuê và việc mua bán quế không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Do bị cáo phạm tội, bị xử phạt và phải bồi thường nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, những người bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn P** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt:* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/10/2018.

3. *Về xử lý vật chứng:* Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn P: 01 quyển sổ màu đen kích thước dài 21cm, rộng 16cm, trong có ghi số và chữ.

4. *Về án phí và quyền kháng cáo:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân thường vụ Quốc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc Vương Thị Thao phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Sáng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKS, Công an, THA huyện Văn Yên;
- Trại tạm giam, bị cáo (02);
- Người bị hại (02);
- Lưu HSơ, Tập án, THA (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Sáng